

H

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KON RẪY
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2021/DS - ST

Ngày: 30 - 3 - 2021

V/v tranh chấp hợp đồng
tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KON RẪY, TỈNH KON TUM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Phương Loan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Ngọc Tàn và bà Y Hliêu.

- Thư ký phiên tòa: Ông A Thống – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hà – Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Kon Rẫy - tỉnh Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 75/2020/TLST- DS ngày 16 tháng 10 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2021/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 2 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng N Việt Nam .

Địa chỉ: 02 đường L, phường T C, quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T – Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn P. Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N Việt Nam - Chi nhánh huyện Kon Rẫy (Theo Quyết định số 2965/QĐ-NHNo-PC ngày 27/12/2019 và Quyết định số 3728/QĐ-NHNo-TCTL ngày 08/12/2017 của Tổng giám đốc).

Người được ủy quyền lại: Ông Đặng Xuân S - Trưởng phòng Kế hoạch kinh doanh Ngân hàng N Việt Nam - Chi nhánh huyện Kon Rẫy (theo giấy ủy quyền số 94/GUQ-NHNoKHKD ngày 29/3/2021).

Địa chỉ: Thôn 01, xã T L, huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum.

(Ông S có mặt)

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1976.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn X, sinh năm 1972.

Cùng địa chỉ: Thôn Y, thị trấn Đăk Rve, huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum. (Đều vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 10 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - Ngân hàng N Việt Nam (sau đây gọi tắt là ngân hàng) thông qua người đại diện theo ủy quyền trình bày:

- Ngày 09/5/2019, Ngân hàng N Việt Nam chi nhánh huyện Kon Rẫy cùng bà Nguyễn Thị Thu T đã tiến hành ký kết hợp đồng tín dụng số 5104-LAV-201900645. Theo đó Ngân hàng cho bà T vay số tiền 230.000.000 đồng để chăn nuôi bò sinh sản, với lãi suất cho vay 9,5%/ năm, thời hạn cho vay 36 tháng. Tiền nợ gốc trả theo ba kỳ: kỳ thứ nhất trả số tiền gốc 20.000.000 đồng vào ngày 09/5/2020 và kỳ thứ hai trả số tiền gốc 30.000.000 đồng vào ngày 09/5/2021 và kỳ thứ ba là kỳ cuối cùng trả số tiền gốc 180.000.000 đồng vào ngày 09/5/2022.

Hợp đồng tín dụng trên được đảm bảo bằng Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 5104-LCL- 201701007 ngày 16/11/2017, kèm văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số 5104-LCL-201701007.01 ngày 08/5/2019 giữa ngân hàng và bà T, ông X. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng thửa đất số 62; tờ bản đồ số 138; diện tích 72 m² tại thôn 01, thị trấn Đăk Rve, huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum, đã được UBND huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 18/05/2005 đứng tên hộ bà Nguyễn Thị O (đã được chuyển nhượng lại cho bà T, ông X).

- Ngày 15/10/2019, Ngân hàng và bà Nguyễn Thị Thu T tiếp tục ký hợp đồng tín dụng số 5104-LAV-201901625. Theo đó, Ngân hàng cho bà T vay số tiền 50.000.000 đồng, với lãi suất cho vay 9, 5%/ năm, thời hạn cho vay 12 tháng (đến ngày 15/10/2020), mục đích vay vốn: Chăn nuôi vỗ béo bò.

Trong quá trình thực hiện 02 Hợp đồng tín dụng nói trên, bà Nguyễn Thị Thu T đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ (gốc và lãi) theo đúng cam kết.

Đối với Hợp đồng tín dụng số 5104-LAV-201900645 ngày 09/5/ 2019, bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo kỳ hạn đã cam kết như trong Hợp đồng đã ký kết, dẫn đến tình trạng nợ quá hạn đối với số tiền 20.000.000 đồng tiền gốc (đến hạn trả vào ngày 09/5/2020) kể từ ngày 10/5/2020 nên phải chịu lãi suất 150% lãi suất cho vay là 14,25%/năm theo quy định.

Đối với Hợp đồng tín dụng số 5104-LAV-201901625 ngày 15/ 10/ 2019, được thực hiện trong vòng 12 tháng kể từ ngày vay đến ngày 15/ 10/ 2020. Tuy nhiên, đến ngày hết hạn thời hạn thực hiện hợp đồng, bà T vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả tiền nợ gốc và tiền lãi cho Ngân hàng và đã chuyển nợ quá hạn kể từ ngày 16/10/ 2020.

Ngân hàng đã thông báo, nhắc nhở, đôn đốc bà T để thu xếp trả nợ cho Ngân hàng, tuy nhiên bà T vẫn chưa trả số tiền còn nợ Ngân hàng theo hai Hợp đồng tín dụng số 5104-LAV-201900645 và Hợp đồng tín dụng số 5104-LAV-201901625. T đến ngày 5/ 10/ 2020, tổng dư nợ (số tiền còn nợ của bà Nguyễn Thị

Thu T) theo hai Hợp đồng tín dụng số 5104-LAV-201900645 và Hợp đồng tín dụng số 5104-LAV-201901625 là 302.335.342 đồng (trong đó: tổng nợ gốc 280.000.000 đồng và tổng nợ lãi 22.333.342 đồng).

Trong quá trình giải quyết vụ án, ngân hàng yêu cầu tính lãi đến thời điểm nộp đơn khởi kiện và thời điểm hòa giải. Tại phiên tòa hôm nay, ngân hàng bổ sung yêu cầu tính thêm tiền lãi từ ngày bà T, ông X vi phạm nghĩa vụ trả lãi và nợ gốc đến hạn đến ngày xét xử sơ thẩm hôm nay (30/3/2021). Yêu cầu khởi kiện của ngân hàng cụ thể như sau:

Buộc bà T, ông X trả nợ theo hợp đồng tín dụng số 5104-LAV-201900645 ngày 09/5/2019 là: nợ gốc: 230.000.000 đồng, lãi trong hạn T từ ngày bà T, ông X vi phạm nghĩa vụ trả lãi 10/11/2019 đến ngày 09/5/2020 tương ứng với từng phần nợ gốc chưa đến hạn là 28.658.767 đồng; lãi quá hạn từ ngày 10/5/2020 đến ngày 30/3/2021 của số tiền nợ gốc đã quá hạn 20.000.000 đồng là 2.537.671 đồng.

Buộc bà T, ông X phải trả số tiền nợ theo hợp đồng tín dụng số 5104-LAV-201901625 ngày 15 / 10/ 2019 là: Nợ gốc 50.000.000 đồng; lãi trong hạn từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả lãi 16/4/2020 đến ngày hết hạn hợp đồng 15/10/2020 là 2.256.164 đồng; lãi quá hạn từ ngày 16/10/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm hôm nay 30/3/2021 là 3.069.863 đồng.

Tổng số tiền nợ ngân hàng yêu cầu bà T, ông X phải trả cho cả 02 hợp đồng tín dụng là 316.522.465 đồng và lãi phát sinh kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (31/3/2021) cho đến khi trả hết nợ theo lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng.

Trường hợp nếu bà Nguyễn Thị Thu T không trả hoặc trả không đầy đủ số tiền nợ 230.000.000 đồng và lãi phát sinh cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng số 5104-LAV-201900645 ngày 09/5/2019 sau khi bản án có hiệu lực thì ngân hàng được yêu cầu phát mãi tài sản theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 5104-LCL- 201701007.01 ngày 16/11/2017, kèm Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số 5104-LCL-201701007.01 ngày 08/5/2019 mà bà T và ông X đã ký kết với Ngân hàng.

Bị đơn - bà Nguyễn Thị Thu T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Nguyễn Văn X không có mặt tại nơi cư trú, đã được Tòa án niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án làm việc và vắng mặt tại phiên tòa nên không có lời khai và lời trình bày. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét ý kiến của bà T và ông X.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum phát biểu ý kiến và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Về tố tụng: Đây là vụ án Dân sự “*tranh chấp hợp đồng tín dụng*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kon Rẫy theo quy định tại khoản 3, Điều 26; điểm a khoản 1 điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự hiện hành; Tòa án thụ lý từ ngày 16/10/2020 đã phân công Thẩm phán thụ lý giải quyết đúng theo quy định Điều 195, 196, 197 Bộ luật tố tụng dân sự; chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự như: Thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách của người tham gia tố tụng quan hệ pháp luật trong vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng quy định (Điều 68), yêu cầu giao nộp tài liệu

chứng cứ, lấy lời khai của đương sự (Điều 98), thông báo và mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại Điều 208, 209, 210 và 211; tổng đạt văn bản tố tụng và các thông báo kịp thời, thời gian chuẩn bị xét xử đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự hiện hành.

Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự hiện hành;

Đối với bị đơn - bà Nguyễn Thị Thu T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Nguyễn Văn X mặc dù Tòa án niêm yết hợp lệ đầy đủ và đúng quy định các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự hiện hành. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn không có yêu cầu phản tố, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập.

Về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng: Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với người tham gia tố tụng, trong đó người đại diện của nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay, Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do, vì vậy Kiểm sát viên đề nghị HĐXX tiến hành phiên tòa xét xử theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự hiện hành. Tòa án dựa vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và các quy định của pháp luật để xét xử vụ án là đúng quy định của pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng vào Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Áp dụng vào các Điều 117, 118, 119, 138, 280, 282, 288, 463, 466 và Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện và bổ sung của của nguyên đơn Ngân hàng N Việt Nam.

Buộc bà Nguyễn Thị Thu T và ông Nguyễn Văn X phải liên đới trả cho Ngân hàng N Việt Nam - Chi nhánh huyện Kon Rẫy tổng số nợ của 02 hợp đồng tín dụng là 316.522.465 đồng. (Trong đó, các khoản nợ theo hợp đồng tín dụng số 5104-LAV-201900645 ngày 09/5/2019 là: nợ gốc: 230.000.000 đồng, lãi trong hạn 28.658.767 đồng; lãi quá hạn 2.537.671 đồng. Các khoản nợ theo hợp đồng tín dụng số 5104-LAV-201901625 ngày 15/10/2019 là: Nợ gốc 50.000.000 đồng; lãi trong hạn 2.256.164 đồng; lãi quá hạn 3.069.863 đồng).

Kể từ ngày 31/3/2021 cho đến khi trả hết tổng số nợ trên, bà Nguyễn Thị Thu T và ông Nguyễn Văn X còn phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng đã ký kết tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả.

Tuyên Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý quyền sử dụng thửa đất số 62; tờ bản đồ số 138; diện tích 72 m² tại thôn 01, thị trấn Đắk Rve, huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum mà bà T, ông X đã thế chấp cho ngân hàng để thu hồi nợ trong trường hợp bà T, ông X không trả hết các khoản nợ 230.000.000 đồng và lãi phát sinh đã được bảo đảm theo hợp đồng thế chấp và hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và án phí : Tuyên buộc bà T, ông X phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 157, Điều 158 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung 2017; Điều 144, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung 2017; áp dụng Khoản 1 Điều 6; điểm b Khoản 1 Điều 24; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có bổ sung yêu cầu khởi kiện về tiền lãi đến ngày xét xử sơ thẩm và lãi chậm thi hành án. Xét thấy yêu cầu bổ sung của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

[2] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

Vụ án dân sự về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng NViệt Nam với bà Nguyễn Thị Thu T, ông Nguyễn Văn X được khởi kiện trong thời hạn luật định, bị đơn có nơi cư trú tại huyện Kon Rẫy ; tranh chấp phát sinh giữa các bên là tranh chấp hợp đồng dân sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Kon Rẫy thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự hiện hành.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã cung cấp đúng địa chỉ của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo đăng ký hộ khẩu thường trú và địa chỉ ghi trong hợp đồng. Tòa án đã tiến hành tổng đạt các hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bằng hình thức niêm yết công khai đúng theo quy định của pháp luật nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan luôn vắng mặt, chưa cung cấp các tài liệu, chứng cứ nên Tòa án xét xử dựa trên cơ sở tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp và tài liệu Tòa án thu thập được.

[4] Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được niêm yết hợp lệ lần 2 quyết định xét xử và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm, b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố

tụng dân sự hiện hành, xét xử vụ án vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[5] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Các Hợp đồng tín dụng số 5104-LAV- 201900645 ngày 09/5/2019, Hợp đồng tín dụng số 5104 - LAV - 201901625 ngày 15/10/2019 và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 5104 - LCL - 201701007.01 ngày 16/11/2017, kèm Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số 5104 - LCL - 201701007.01 ngày 08/5/2019 giữa Ngân hàng với bà T, ông X được ký kết trên cơ sở tự nguyện; các chủ thể ký kết Hợp đồng là người có đủ năng lực hành vi dân sự, đủ thẩm quyền ; nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội; hình thức đúng quy định pháp luật. Do đó, các Hợp đồng trên là hợp pháp và có hiệu lực với các bên tham gia ký kết theo quy định tại các Điều 117, 119 , 463 Bộ luật dân sự 2015; Điều 12 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm.

[6] Đối với Hợp đồng tín dụng số 5104-LAV- 201900645 ngày 09/5/2019, bà T mới trả được số tiền lãi đến ngày 09/11/ 2019 là 11.074.658 đồng và không trả tiền gốc đến hạn ngày 09/5/2020 là 20.000.000 đồng. Như vậy, bà T đã vi phạm Khoản 3 Điều 4 và Điều 7, điểm d Khoản 2 Điều 9 của Hợp đồng tín dụng nói trên. Do đó, ngân hàng khởi kiện đòi các khoản lãi trong hạn đã quá kỳ trả lãi, tiền gốc đã đến hạn và tiền gốc chưa đến hạn là có căn cứ theo thỏa thuận tại điểm c mục 1 Điều 10 của Hợp đồng tín dụng.

[7] Đối với Hợp đồng tín dụng số 5104-LAV-201901625 ngày 15/10/2019, có thời hạn 12 tháng, kể từ ngày vay đến ngày 15/10/2020. Bà T mới trả được cho ngân hàng tiền lãi trong hạn là 2.268.494 đồng, chưa trả nợ gốc khi đã hết hạn hợp đồng. Như vậy, bà T đã vi phạm điểm c mục 2 Điều 7 của Hợp đồng. Do đó, ngân hàng khởi kiện đòi nợ là đúng quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự 2015.

[8] Đối với số tiền lãi trong hạn và quá hạn mà ngân hàng yêu cầu đối với từng hợp đồng tín dụng, Hội đồng xét xử thấy rằng: Số tiền lãi trong hạn và quá hạn mà ngân hàng T theo bảng kê chi tiết cung cấp tại phiên tòa là phù hợp với mức lãi suất đã thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng, phù hợp theo từng số tiền nợ gốc trong hạn, số tiền nợ gốc quá hạn và từng giai đoạn trong hạn, quá hạn nên có căn cứ chấp nhận.

[9] Về người có nghĩa vụ trả nợ, Hội đồng xét xử xét thấy: Hai hợp đồng tín dụng nêu trên được ký kết giữa ngân hàng và bà T nhưng hợp đồng thế chấp được ông X cùng bà T ký kết chung với ngân hàng. Và ông X cũng có các giấy ủy quyền ngày 24/11/2015 và giấy ủy quyền ngày 14/10/2019 cho bà T xác lập, thực hiện các giao dịch liên quan đến việc vay vốn tại ngân hàng. Các giấy ủy quyền này được lập đúng quy định tại Điều 138 Bộ luật dân sự 2015, đã được Ủy ban nhân dân thị trấn Đắk Rve, huyện Kon Rẫy chứng thực nên hợp pháp và có hiệu lực. Do đó, ông X cũng phải chịu trách nhiệm liên đới với bà T trả nợ cho ngân hàng theo quy định tại Điều 288 Bộ luật dân sự 2015.

[10] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ngân hàng NViệt Nam, buộc bà Nguyễn Thị Thu T và ông

Nguyễn Văn X phải trả cho ngân hàng 02 khoản nợ theo 02 hợp đồng tín dụng nói trên. Cụ thể là:

[11] Khoản nợ theo hợp đồng tín dụng số 5104-LAV-201900645 ngày 09/5/2019 là: nợ gốc: 230.000.000 đồng, lãi trong hạn T từ ngày bà T, ông X vi phạm nghĩa vụ trả lãi 10/11/2019 đến ngày 09/5/2020 tương ứng với từng phần nợ gốc chưa đến hạn là 28.658.767 đồng; lãi quá hạn từ ngày 10/5/2020 đến ngày 30/3/2021 của số tiền nợ gốc đã quá hạn 20.000.000 đồng là 2.537.671 đồng.

[12] Khoản nợ theo hợp đồng tín dụng số 5104-LAV-201901625 ngày 15 / 10/ 2019 là: Nợ gốc 50.000.000 đồng; lãi trong hạn từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả lãi 16/4/2020 đến ngày hết hạn hợp đồng 15/10/2020 là 2.256.164 đồng; lãi quá hạn từ ngày 16/10/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm hôm nay 30/3/2021 là 3.069.863 đồng.

Tổng số tiền nợ ngân hàng yêu cầu bà T, ông X phải trả cho cả 02 hợp đồng tín dụng là 316.522.465 đồng.

[13] Ngân hàng còn yêu cầu ông T, bà X trả toàn bộ lãi chậm thi hành án phát sinh T từ ngày tiếp theo của ngày xét xử (31/ 3/ 2021) cho đến khi bà T, ông X trả hết các khoản nợ trên theo mức lãi suất thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Xét thấy, yêu cầu này phù hợp với quy định tại Điều 13 Nghị quyết số 01/ 2019/ NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm nên có căn cứ chấp nhận.

[14] Đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp, Hội đồng xét xử xét thấy:

Khoản vay 230.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 5104 - LAV - 201900645 ngày 09/ 5/ 2019 ký kết giữa bà T và ngân hàng được đảm bảo bằng quyền sử dụng thửa đất số 62; tờ bản đồ số 138; diện tích 72 m² tại thôn 01, thị trấn Đăk Rve, huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum, đã được UBND huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 5104-LCL- 201701007.01 ngày 16/11/2017, kèm Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số 5104-LCL-201701007.01 ngày 08/5/2019. Do đó, trường hợp bà T và ông X không trả hoặc trả không đầy đủ số tiền nợ gốc 230.000.000 đồng và lãi phát sinh cho ngân hàng sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý quyền sử dụng đất nói trên để thu hồi nợ.

Như vậy, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện và yêu cầu bổ sung của ngân hàng về việc trả các khoản nợ gốc, lãi phát sinh, lãi chậm trả và xử lý tài sản thế chấp.

[15] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và án phí : Toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ngân hàng được chấp nhận nên bà T, ông X phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Ngân hàng đã nộp 2.000.000 đồng tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ nên bà T, ông X phải hoàn trả lại cho ngân hàng số tiền này.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng vào Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Áp dụng vào các Điều 117, 118, 119, 138, 280, 282, 288, 463, 466 và Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện và bổ sung của của nguyên đơn Ngân hàng N Việt Nam.

Buộc bà Nguyễn Thị Thu T và ông Nguyễn Văn X phải liên đới trả cho Ngân hàng N Việt Nam - Chi nhánh huyện Kon Rẫy các khoản nợ sau:

Khoản nợ theo hợp đồng tín dụng số 5104-LAV-201900645 ngày 09/5/2019 là: nợ gốc: 230.000.000 đồng, lãi trong hạn 28.658.767 đồng; lãi quá hạn 2.537.671 đồng.

Khoản nợ theo hợp đồng tín dụng số 5104-LAV-201901625 ngày 15/10/2019 là: Nợ gốc 50.000.000 đồng; lãi trong hạn 2.256.164 đồng; lãi quá hạn 3.069.863 đồng.

Tổng số tiền nợ mà bà Nguyễn Thị Thu T, ông Nguyễn Văn X phải trả cho Ngân hàng N Việt Nam - Chi nhánh huyện Kon Rẫy là 316.522.465 đồng (*Ba trăm mười sáu triệu, năm trăm hai mươi hai ngàn, bốn trăm sáu mươi lăm đồng*).

Kể từ ngày 31/3/2021 cho đến khi trả hết tổng số nợ trên, bà Nguyễn Thị Thu T và ông Nguyễn Văn X còn phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng đã ký kết tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực và Ngân hàng Nông nghiệp phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Kon Rẫy có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Nguyễn Thị Thu T và ông Nguyễn Văn X không trả hoặc trả không đầy đủ số tiền nợ 230.000.000 đồng và các khoản lãi phát sinh cho Ngân hàng N Việt Nam - Chi nhánh huyện Kon Rẫy theo hợp đồng tín dụng số 5104-LAV-201900645 ngày 09/5/2019 thì Ngân hàng N Việt Nam - Chi nhánh huyện Kon Rẫy được yêu cầu phát mãi quyền sử dụng thửa đất số 62; tờ bản đồ số 138; diện tích 72 m² tại thôn 01, thị trấn Đăk Rve, huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum, đã được UBND huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 18/05/2005 đứng tên hộ bà Nguyễn Thị O (đã được chuyển nhượng cho bà T, ông X) để thu hồi nợ.

(Theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 5104-LCL- 201701007.01 ngày 16/11/2017, kèm Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số 5104-LCL-201701007.01 ngày 08/5/2019 giữa bà Nguyễn Thị Thu T, ông Nguyễn Văn X đã ký kết với Ngân hàng N Việt Nam - Chi nhánh huyện Kon Rẫy).

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và án phí :

Căn cứ Điều 157, Điều 158 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung 2017;

Bà Nguyễn Thị Thu T, ông Nguyễn Văn X phải thanh toán cho Ngân hàng N Việt Nam - chi nhánh huyện Kon Rẫy 2.000.000 đồng (*hai triệu đồng*) tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

Căn cứ Điều 144, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung 2017; áp dụng Khoản 1 Điều 6; điểm b Khoản 1 Điều 24; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bà Nguyễn Thị Thu T và ông Nguyễn Văn X phải liên đới chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 15.826.123 đồng (*Mười lăm triệu, tám trăm hai mươi sáu ngàn, một trăm hai mươi ba đồng*).

Hoàn trả lại cho nguyên đơn Ngân hàng N Việt Nam chi nhánh huyện Kon Rẫy số tiền 7.558.000 đồng (*Bảy triệu, năm trăm năm mươi tám ngàn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/ 0001668 ngày 15/10/2020 của Chi cục THADS huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (30/3/2021). Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án có hiệu lực pháp luật được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND tỉnh Kon Tum;
- VKSND huyện Kon Rẫy;
- Chi cục THADS huyện Kon Rẫy;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA./

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Phương Loan